

## BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

# SikaProof®-110 FB6

Màng FPO dày 1,5 mm có lớp bám dính lai dùng để chống thấm cho hầm chui

### MÔ TẢ

SikaProof®-110 FB6 bao gồm một lớp màng polyolefin đàn hồi (FPO) gốc EVA, có lớp bám dính lai hình thành một hệ thống bám dính kép (gồm cơ học và hóa học) với bê tông vỏ hầm đổ tại chỗ, cùng với lớp vải địa kỹ thuật được gắn sẵn lên mặt sau màng chống thấm có tác dụng như là lớp bảo vệ và thoát nước.

### ỨNG DỤNG

SikaProof®-110 FB6 dùng để chống thấm cho các đường hầm và các cấu kiện ngầm

### ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Có sẵn phiên bản không có lớp vải địa kỹ thuật
- Bám dính cơ học và hóa học tuyệt hảo lên trên bề mặt bê tông vỏ hầm
- Ngăn không cho nước thấm ngang giữa màng chống thấm và bê tông vỏ hầm
- Mỗi nối màng được hàn nhiệt có chất lượng tuyệt hảo
- Khả năng đàn hồi cao, kể cả ở điều kiện nhiệt độ thấp
- Khả năng phủ vết nứt rất cao
- Thi công nhanh chóng và cực kì đơn giản

### SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- Chứng nhận CE và công bố tuân theo tiêu chuẩn EN 13491:2004/A1:2006 — Màng ngăn địa kỹ thuật: Các đặc tính yêu cầu khi sử dụng làm lớp ngăn chất lỏng trong xây dựng đường hầm và công trình ngầm.

## THÔNG TIN SẢN PHẨM

Đóng gói	Chiều rộng cuộn	2 m hoặc 2.1 m
	Chiều dài cuộn	Theo yêu cầu
Tham khảo bảng giá hiện hành cho các quy cách đóng gói hiện có.		
Màu sắc	Lớp bám dính	Màu trắng đến xám
	Lớp chống thấm	Màu trắng đến xám
Hạn sử dụng	24 tháng từ ngày sản xuất	
Điều kiện lưu trữ	Sản phẩm phải được lưu trữ đúng cách trong bao bì còn nguyên, chưa mở và không hư hỏng ở nơi khô ráo có nhiệt độ từ +5 °C đến +35 °C. Cuộn được lưu theo phương nằm ngang. Không xếp chồng các cuộn lên nhau hoặc đặt dưới pallet của bất kì các loại vật liệu nào khác trong quá trình lưu trữ và vận chuyển. Luôn luôn tham khảo thông tin trên bao bì.	
Độ dày	Tổng chiều dày lớp màng chống thấm không bao gồm vải địa	1.50 mm (EN 1849-2)

Khối lượng trên đơn vị diện tích 1.34 kg/m<sup>2</sup> (-0.06 kg/m<sup>2</sup>) không bao gồm lớp vải địa (EN 1849-2)

Geotextile composition Polypropylene

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khả năng kháng tác động Phương pháp A, nền đỡ > 350 mm (EN 12691)  
cứng

Khả năng kháng tĩnh tải Nền đỡ cứng Đạt (20 kg) (EN 12730)

Khả năng kháng đâm thủng của tĩnh lực 1.6 kN (- 0.1 kN) (EN ISO 12236)

Cường độ kéo Theo phương dọc (MD) 9.0 N/mm<sup>2</sup> (- 1.0 N/mm<sup>2</sup>) (EN ISO 527-3)  
Theo phương ngang (CMD) 9.0 N/mm<sup>2</sup> (- 1.0 N/mm<sup>2</sup>)

Độ giãn dài tới đứt Theo phương dọc (MD) > 500% (EN ISO 527-3)  
Theo phương ngang (CMD) > 500%

Khả năng kháng xé rách (đỉnh) Theo phương dọc (MD) > 400 N (EN 12310-1)  
Theo phương ngang (CMD) > 400 N

Khả năng kháng tách mối nối > 80 N/50 mm (EN 12316-2)

Khả năng chịu uốn ở nhiệt độ thấp -40 °C (EN 495-5)

Phản ứng với lửa Cấp E (EN 13501-5)

Khả năng kháng sự ô-xy hoá > 75 % duy trì cường độ chịu kéo và độ giãn dài đến đứt (EN 14575)

Độ kín nước Phương pháp B, 24 giờ ở Đạt (EN 1928)  
áp lực 60 kPa

Độ bền kín nước chống lại sự lão hóa Lão hóa 12 tuần ở +70 °C, Pass (EN 1928; EN 1296)  
sau đó thử nghiệm trong  
24 giờ ở áp suất 60 kPa.

Độ bền kín nước chống lại tác nhân hóa học Canxi hydroxit, được lão Pass (EN 1928; EN 1847)  
hóa 28 ngày ở +23 °C, sau  
đó thử nghiệm trong 24 giờ  
ở áp suất 60 kPa.

Nhiệt độ môi trường tối đa của chất lỏng Tối đa + 35 °C

Khả năng kháng sự dịch chuyển của nước ở mặt bên Lên đến 7 bar Đạt (ASTM D5385 / D5385M)

Độ thấm nước Loại A < 10<sup>-6</sup> m<sup>3</sup> · m<sup>-2</sup> · d<sup>-1</sup> (EN 14150)

Geotextile properties Khối lượng 300 g/m<sup>2</sup> 400 g/m<sup>2</sup> 500 g/m<sup>2</sup> 700 g/m<sup>2</sup> (ISO 9864)  
(- 30 g/m<sup>2</sup>) (- 40 g/m<sup>2</sup>) (- 50 g/m<sup>2</sup>) (- 70 g/m<sup>2</sup>)

Cường độ chịu kéo theo phương dọc, MD ≥ 20.0 kN/m ≥ 22.0 kN/m ≥ 27.0 kN/m ≥ 35.0 kN/m (EN ISO 10319)

Cường độ chịu kéo theo phương ngang, CMD	≥ 15.0 kN/m	≥ 18.0 kN/m	≥ 22.0 kN/m	≥ 25.0 kN/m	(EN ISO 10319)
Khả năng kháng chọc thủng, CBR	≥ 2300 N	≥ 3200 N	≥ 3600 N	≥ 5500 N	(EN ISO 12236)
Chiều dày dưới áp lực 2 kPa	2.0 mm ± 0.8 mm	2.5 mm ± 0.8 mm	3.0 mm ± 0.8 mm	5.5 mm ± 1.0 mm	(EN ISO 9863-1)

## THÔNG TIN HỆ THỐNG

### Kết cấu hệ thống

- SikaProof®-11 Anchor
- SikaProof®-12 Anchor
- Sikaplan® WT Trumpet Flange

## THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

## SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Vật liệu này nằm trong danh mục được quy định trong khoản 3 của quy định Số 1907/2006 (REACH) của EC. Nó không chứa các chất dự kiến sẽ phát tỏa ra môi trường ở điều kiện bình thường hoặc các điều kiện chấp nhận được và có thể lường trước trong quá trình sử dụng. Tài liệu An toàn theo điều 31 với các quy định tương tự là không cần thiết để đưa sản phẩm ra thị trường, để vận chuyển hoặc để sử dụng. Tham khảo hướng dẫn an toàn ghi trong Tài liệu Kỹ thuật của sản phẩm. Dựa theo hiểu biết hiện tại của chúng tôi, sản phẩm này không chứa SVHC (các chất gây quan ngại rất cao) được liệt kê trong phụ lục XIV của quy định (REACH) hoặc trong danh sách sản phẩm được công bố bởi Cơ quan Hóa chất Châu Âu có nồng độ trên 0.1 % (w/w).

## HƯỚNG DẪN THI CÔNG

### CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Để biết thông tin về chất lượng bề mặt nền và công tác xử lý bề mặt trước khi thi công, vui lòng tham khảo tài liệu Sika® sau:

- SikaProof®-110 dùng cho hệ chống thấm dạng ô/dạng "áo mưa" cho đường hầm

### THI CÔNG

#### QUAN TRỌNG

**Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thi công và bảo trì**

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình thi công và bảo trì được quy định trong Biện pháp thi công, hướng dẫn ứng dụng và hướng dẫn làm việc; các tài liệu này luôn

phải được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại công trường.

#### QUAN TRỌNG

**Thông gió trong không gian kín**

Luôn đảm bảo thông gió tốt khi thi công sản phẩm trong không gian kín.

Để biết thông tin về thi công, vui lòng tham khảo tài liệu Sika® sau:

**SikaProof®-110 dùng cho hệ chống thấm dạng "áo mưa" cho đường hầm**

## GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

Bản chi tiết sản phẩm

SikaProof®-110 FB6

Tháng Năm 2026, Hiệu đính lần 03.01

020720309000242142

**BUILDING TRUST**



## LƯU Ý PHÁP LÝ

Thông tin, và đặc biệt là các khuyến nghị liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được đưa ra một cách thiện chí dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về các sản phẩm khi được lưu trữ đúng cách, được xử lý và áp dụng trong điều kiện bình thường theo khuyến nghị của Sika. Trong thực tế, sự khác biệt về vật liệu, bề mặt nền và điều kiện địa điểm thực tế dẫn đến việc không có bảo đảm nào về khả năng bán được hoặc sự phù hợp cho một mục đích cụ thể cũng như bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ bất kỳ mối quan hệ pháp lý nào, có thể được suy ra từ thông tin này, hoặc từ bất kỳ khuyến nghị bằng văn bản nào hoặc từ bất kỳ lời khuyên nào khác được đưa ra. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm đối với ứng dụng và mục đích dự định hay không. Sika có quyền thay đổi các đặc tính của sản phẩm của mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được được tôn trọng. Tất cả các đơn đặt hàng được chấp nhận theo các điều khoản bán hàng và giao hàng hiện tại của chúng tôi. Người dùng cần tham khảo phiên bản mới nhất của Tài liệu Sản phẩm địa phương dành cho sản phẩm liên quan. Các Tài liệu Sản phẩm này có sẵn trên trang web của chúng tôi. Thông tin trong bất kỳ phiên bản nào người dùng đã tải xuống chỉ có giá trị tại thời điểm tải.

### Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1  
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: (84-251) 3560 700  
Fax: (84-251) 3560 699  
sikavietnam@vn.sika.com  
vnm.sika.com



### Bản chi tiết sản phẩm

SikaProof®-110 FB6  
Tháng Năm 2026, Hiệu đính lần 03.01  
020720309000242142

SikaProof-110FB6-vi-VN-(05-2026)-3-1.pdf

